TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2019/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v "tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý

2. Ông Lê Văn Ngọc

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2014/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2014 về: "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: phường M, quận N1, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn L, trú tại: phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 841/GUQ-NHNoHV-TD ngày 20/9/2017) *(ông L có mặt).*

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc V; địa chỉ cư trú: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. *(ông V có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Thanh C; địa chỉ hộ khẩu thường trú: phường A1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Bà Nguyễn Ngọc S, trú tại: Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2018) *(bà S vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại tòa án ngày 13/11/2014, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/9/2010, Ngân hàng N đã ký với ông Trần Ngọc V hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 để cho ông V vay số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng với mục đích vay là bổ sung vào vốn góp công ty, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 14.4%/năm, khi lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tăng thì lãi suất cho vay được điều chỉnh tăng tương ứng hoặc điều chỉnh theo lãi suất do Ngân hàng công bố theo từng thời điểm. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu ngày 07/10/2010, trả nợ gốc vào cuối kỳ, thanh toán tiền lãi vào cuối kỳ. Để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, giữa Ngân hàng N, ông Trần Ngọc V và ông Dương Thanh C có ký kết hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số 1605-LCP-201000128 ngày 28/9/2010. Theo hợp đồng này, ông C dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất số AG 817643, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00457/7013937 do UBND huyện B2 cấp ngày 13/2/2007, địa chỉ xã T2, huyện B2, thửa đất số 619, tờ bản đồ số 71, diện tích 3.197,5m^2 để thế chấp cho Ngân hàng đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 ký kết giữa Ngân hàng N và ông Trần Ngọc V. Đến hạn thanh toán, ông V không thực hiện nghĩa vụ theo như hợp đồng, không thanh toán khoản tiền gốc và lãi nào cho Ngân hàng N mặc dù ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 08/8/2019, ông V còn nợ Ngân hàng N số tiền 15.409.387.500 đồng, gồm: nợ gốc 6.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.272.925.000 đồng, nợ lãi quá hạn là: 3.136.462.500 đồng. Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc V phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 15.409.387.500 đồng, ngoài ra ông V phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 09/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên trong hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật. Trong trường hợp ông Trần Ngọc V không trả được nợ thì Ngân hàng N được quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của người thế chấp là ông Dương Thanh C theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1605-LCL-201000128 ngày 28/9/2010 để thu hồi nợ gốc và nợ lãi. Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông V trả nợ, không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ với ông V.

Bị đơn, ông Trần Ngọc V trình bày tại bản tự khai, và các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án: Vào năm 2010 ông có ký hợp đồng vay với Ngân hàng N với số tiền vay 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng như người đại diện của nguyên đơn trình bày, mục đích vay để góp vốn vào công ty. Số tiền này ông V vay giùm cho ông C nên ông C đã đem tài sản là quyền sử dụng đất của ông C ở xã T2, huyện B2 ra thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản nợ vay này. Tuy nhiên, việc vay giùm này chỉ ông V và ông C biết chứ không có giấy tờ gì thể hiện. Sau khi Ngân hàng N giải ngân, ông C đã sử dụng tất cả tiền vay, ông V không sử dụng số tiền này. Ông C hứa với ông sẽ tự thanh toán số tiền nợ này cho Ngân hàng N nhưng sau đó ông C bị bắt giam nên không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông trả số tiền nợ 15.409.387.500 đồng như trên, bản thân ông hiện nay đã lớn tuổi,

không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản nên không thể trả nợ cho Ngân hàng. Ông đề nghị Ngân hàng cứ phát mãi tài sản mà ông C đã thế chấp để thu hồi nợ. Đây là khoản tiền ông vay giùm ông C do lúc đó ông là nhân viên của ông C, vợ ông không liên quan và cũng không biết khoản tiền vay này nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Dương Thanh C trình bày tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 19/01/2018 và bản tự khai ngày 17/9/2018: Ông có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 1605-LCL 201000128 với Ngân hàng N – Chi nhánh 6 để dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AG 817643, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00457/7013937 do UBND huyện B2 cấp ngày 13/2/2007 thế chấp để ông Trần Ngọc V vay tiền của Ngân hàng N – Chi nhánh 6 theo hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 giữa Ngân hàng N với ông Trần Ngọc V, số tiền vay là 6.000.000.000 đồng. Ông V chỉ là người đứng tên trên hợp đồng tín dụng, thực chất ông mới là người sử dụng số tiền vay. Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc V phải trả số tiền vay 6.000.000.000 đồng và nợ lãi, ông đồng ý trả số tiền này cho ông V. Ông C xác nhận sẽ chịu trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi thay cho ông V và ông sẽ liên hệ với người đại diện được ủy quyền để thỏa thuận với Ngân hàng bán tài sản thế chấp trả nợ. Ông C đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi. Trong trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đồng ý việc phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số H00457/7013937 do UBND huyện B2 cấp ngày 13/2/2007, địa chỉ xã T2, huyện B2, thửa đất số 619, tờ bản đồ số 71, diện tích 3.197,5m^2. Nếu việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả số tiền nợ cho Ngân hàng thì ông C đồng ý chịu trách nhiệm trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Thanh C là bà Nguyễn Ngọc S, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày gì khác.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn L trình bày:

Khi vay tiền thì cá nhân ông V giao dịch vay mượn, ký hợp đồng tín dụng vay và ký nhận tiền giải chấp, Ngân hàng N không biết việc ông V vay mượn giùm cho ông C. Hiện ông C đang chấp hành án phạt tù nên nguyên đơn không đồng ý việc ông C trả nợ thay cho ông V. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc với ông V và đều có lập biên bản về việc giải quyết số tiền nợ, tuy nhiên, ông V không có phương án trả và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo như thỏa thuận của hợp đồng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ trả ngay toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 30/9/2019 là 15.522.012.500 đồng, bao gồm: nợ gốc là 6.000.000.000 đồng, tổng lãi là 9.522.012.500 đồng (trong đó lãi trong hạn là 6.348.008.333 đồng, lãi quá hạn là 3.174.004.167 đồng). Ngoài ra, ông V còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng. Nếu ông V không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là

quyền sử dụng đất tại địa chỉ xã T2, huyện B2, mà ông C đã ký hợp đồng thế chấp cho nguyên đơn để thu hồi nợ.

Bị đơn, ông Trần Ngọc V trình bày: Do trước đây ông là nhân viên của ông Dương Thanh C nên có vay giùm cho ông C 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng tại Ngân hàng N để bổ sung vốn kinh doanh. Ông C có thế chấp đất ở xã T2, huyện B2 để đảm bảo khoản vay này và có hứa với ông sẽ chịu trách nhiệm trả số nợ này cho ngân hàng. Ông C có nói sẽ thỏa thuận với Ngân hàng bán đất thế chấp để trả nợ. Tuy nhiên, sau đó ông C bị bắt giam nên không thực hiện được trả nợ cho Ngân hàng, người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà Sang không hợp tác, ông không liên hệ được nên không thỏa thuận được với Ngân hàng để bán tài sản thế chấp trả nợ. Nay ông không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và đề nghị phát mãi đất mà ông C thế chấp cho Ngân hàng để trả nợ cho Ngân hàng N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Dương Thanh C, do bà Nguyễn Ngọc S đại diện vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự thì có cơ sở xác định ông Trần Ngọc V có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng của Ngân hàng N. Ông Dương Thanh C ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số tại xã T2, huyện B2 Giấy chứng nhận số AG 817643, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00457/7013937 do UBND huyện B2 cấp ngày 13/2/2007 thế chấp cho Ngân hàng N để đảm bảo cho khoản vay này của ông V. Sau khi vay, ông V không thực hiện việc trả tiền cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu ông V phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2019 là 15.522.012.500 đồng, bao gồm: nợ gốc là 6.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 6.348.008.333 đồng, lãi quá hạn là 3.174.004.167 đồng, đối chiếu với các điều khoản quy định về lãi suất thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng N (sau đây gọi là nguyên đơn) khởi kiện yêu cầu bị đơn – ông Trần Ngọc V phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp

đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 mà ông V ký kết với nguyên đơn để vay số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng với mục đích vay là bổ sung vào vốn góp công ty. Ông V cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Thanh C, do bà Nguyễn Ngọc Sang đại diện theo ủy quyền đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Sang.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ gốc 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2019 là 9.522.012.500 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 ký kết giữa nguyên đơn và ông V ngày 28/9/2010, lời khai của đại diện nguyên đơn, xác nhận của ông Trần Ngọc V thì nguyên đơn có cho ông V vay số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng, mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vào vốn góp công ty, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 14.4%/năm, trả lãi tiền vay cùng kỳ với trả nợ gốc, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu là ngày 07/10/2010, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 07/10/2011. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng, đến kỳ hạn trả nợ là ngày 07/10/2011, ông V vẫn không thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi là vi phạm thỏa thuận của hai bên quy định tại điều 3 của hợp đồng. Ông V và ông C đều khai ông V chỉ đứng tên trên hợp đồng tín dụng để vay giùm ông C, ông C là người sử dụng số tiền 6.000.000.000 đồng nên ông C đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền nợ và lãi trên cho nguyên đơn. Tuy nhiên, người đại diện của nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của ông C vì ông V là người đứng tên trong hợp đồng để vay tiền của nguyên đơn và hiện ông C đang thụ án tù không thể có khả năng trả nợ, do vậy nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ông V phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 ngày 28/9/2010 là do ông V đứng tên người vay ký với nguyên đơn, ký nhận tiền vay và cam kết trả số tiền vay cho nguyên đơn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 ông C khai ông V là người đứng tên vay tiền giùm cho ông C sử dụng để kinh doanh và ông C đồng ý chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, việc ông V thỏa thuận với ông C để vay tiền giúp cho ông C sử dụng cũng chỉ là trách nhiệm cá nhân của ông C với ông V. Hiện ông C đang chấp hành án phạt tù, người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà S không có mặt khi Tòa án triệu tập để hòa giải, thỏa thuận với nguyên đơn về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ, ông V trình bày do không có có khả năng trả nợ nên đề nghị phát mãi tài sản thế chấp của ông C để trả nợ cho ngân hàng. Ngoài ra, nguyên đơn cũng không đồng ý với việc ông C trả nợ thay cho ông V nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V phải trả ngay một lần số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng đã ký kết số 1605-LAV-201000170 giữa nguyên đơn và ông V ngày 28/9/2010 tổng cộng là: 15.522.012.500 đồng, bao gồm: nợ gốc là: 6.000.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2019: 9.522.012.500 đồng

(trong đó, lãi trong hạn: 6.348.008.333 đồng, lãi quá hạn: 3.174.004.167 đồng) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, 95, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, ông V còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng số 1605-LAV-201000170 ký kết giữa nguyên đơn và ông Trần Ngọc V ngày 28/9/2010.

[2.2] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn chậm hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1605-LCL-201000128 ngày 28/9/2010 được chứng nhận tại Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B2 chứng nhận việc đăng ký thế chấp ngày 30/9/2010 thì ông Dương Thanh C đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất vị trí tại xã T2, huyện B2, thửa đất số 619, tờ bản đồ số 71, diện tích đất 3.197,5 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG817643, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00457/7013937 do Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp ngày 13/02/2007 để bảo đảm cho khoản vay 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng của ông V tại Ngân hàng N chi nhánh 6. Theo công V số 768/UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã T2, huyện B2 và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 03/6/2019 thì hiện nay trên phần đất này là đất trống, không có công trình xây dựng, cũng không có người ở trên đất. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19/01/2018, ông Dương Thanh C xác nhận ông có dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00457/7013937 do Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp ngày 13/02/2007 để thế chấp cho ông Trần Ngọc V vay số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng của Ngân hàng N, trường hợp người đại diện theo ủy quyền của ông và Ngân hàng không thỏa thuận được việc bán tài sản thế chấp để trả nợ thì ông C đồng ý Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nói trên để trả nợ cho nguyên đơn. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn là ông Trần Ngọc V không thực hiện việc trả nợ đúng hạn và đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 619, tờ bản đồ số 71, diện tích 3197.5m^2 tại xã T2, huyện B2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số H00457/7013937 ngày 13/02/2007 do Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp cho người sử dụng đất Dương Thanh C theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1605-LCL-201000128 ngày 28/9/2010 được chứng nhận tại Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Ngay sau khi ông V thanh toán xong tất cả các khoản tiền nợ, Ngân hàng N có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG817643, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00457/7013937 do Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp ngày 13/02/2007 cho ông Dương Thanh C.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ về hiện trạng đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 619, tờ bản đồ số 71 tại

xã T2, huyện B2, nguyên đơn có nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ghi nhận.

[2.3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ông Trần Ngọc V có trách nhiệm trả số tiền 15.522.012.500 đồng cho nguyên đơn nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 123.522.013 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.307.004 (năm mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm lẻ bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2014/0003085 ngày 05/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương Thanh C do bà Nguyễn Ngọc S là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt không có lý do, cũng không đưa ra bất cứ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của nguyên đơn, do vậy phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 91, 95, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng N:

Buộc ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 15.522.012.500 (mười lăm tỷ năm trăm hai mươi hai triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng, bao gồm: nợ gốc là: 6.000.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2019: 9.522.012.500 đồng (trong đó, lãi trong hạn: 6.348.008.333 đồng, lãi quá hạn: 3.174.004.167 đồng). Ngoài ra, ông Trần Ngọc V còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-201000170 ngày 28/9/2010.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi ông Trần Ngọc V thanh toán xong các khoản tiền nợ, Ngân hàng N có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG817643, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00457/7013937 do Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp ngày 13/02/2007 cho ông Dương Thanh C.

Trường hợp ông Trần Ngọc V không trả đầy đủ, đúng hạn số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 619, tờ bản đồ số 71, diện tích 3197.5m^2 tại xã T2, huyện B2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số H00457/7013937 ngày 13/02/2007 do Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp cho người sử dụng đất ông Dương Thanh C, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1605-LCL-201000128 ngày 28/9/2010 được chứng nhận tại Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

3/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 123.522.013 (một trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi hai ngàn không trăm mười ba) đồng do ông Trần Ngọc V phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.307.004 (năm mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm lẻ bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2014/0003085 ngày 05/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy